2026-10-22 CSCA30_De_05_Cau_039

Mã bài CSCA30_De_05_Cau_039
Đề 05 · Câu 039 · Ngày 2026-10-22
Chương 11 - Vectơ mặt phẳng · Dễ

Kết quả / 答案 A

解题步骤 · Lời giải tiếng Trung

第1步：$2(3,4)=(6,8)$。
→ 原理：向量坐标运算：对应坐标分别相加减，数乘时每个坐标都乘以 k。
第2步：$(6,8)-(1,2)=(5,6)$。
→ 原理：向量坐标运算：加减对应坐标相加减，数乘各坐标都乘 k；$x\vec{i}+y\vec{j}+z\vec{k}=(x,y,z)$。
说明：先将第一个向量的各分量乘以 2，得 $2(3,4)=(6,8)$。再逐分量相减，得 $(6-1,8-2)=(5,6)$。
结论：选 A。

Các bước giải · Lời giải tiếng Việt

Bước 1 – Nhân vectơ với số: $2(3,4)=(6,8)$.
→ Lý thuyết: Phép toán vectơ theo tọa độ: $(x_1,y_1)\pm(x_2,y_2)=(x_1\pm x_2,y_1\pm y_2)$ và $k(x,y)=(kx,ky)$ — làm riêng từng tọa độ.
Bước 2 – Trừ theo từng tọa độ: $(6,8)-(1,2)=(6-1,\ 8-2)=(5,6)$.
→ Lý thuyết: Phép toán vectơ theo tọa độ: cộng, trừ thì cộng, trừ từng tọa độ tương ứng; nhân với số k thì nhân mọi tọa độ với k; $x\vec{i}+y\vec{j}+z\vec{k}$ có tọa độ (x,y,z).
Nhận xét: Nhân từng tọa độ của vectơ thứ nhất với 2: $2(3,4)=(6,8)$. Trừ theo tọa độ được $(6-1,8-2)=(5,6)$.
Kết luận: chọn A.

Mở đề bài / 查看题目